

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí
lập đồ án quy hoạch chung thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/6/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 587/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị trấn Tân Khai thuộc huyện Hớn Quản; thành lập phường Tiến Thành thuộc thành phố Đồng Xoài và thành lập thành phố Đồng Xoài thuộc tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và Quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3487/TTr-SXD ngày 25/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch chung thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, với các nội dung như sau:

I. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH:

1. Tên gọi đồ án:

"Quy hoạch chung thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản"

2. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

2.1. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc : Giáp xã Thanh Bình.
- Phía Nam : Giáp xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành.
- Phía Đông : Giáp xã Phước An và Tân Quan.
- Phía Tây : Giáp xã Đồng Nơ và Minh Đức.

2.2. Quy mô diện tích:

- Quy hoạch chung thị trấn Tân Khai bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Tân Khai.

- Quy mô diện tích: 4.273,1ha.

c) Dự báo quy mô dân số đến năm 2030: Khoảng 35.000 người.

3. Tính chất quy hoạch:

- Là trung tâm hành chính, kinh tế - văn hóa, dịch vụ, thương mại và giáo dục của huyện Hớn Quản.

- Là đô thị thương mại - dịch vụ - công nghiệp văn minh, hiện đại, năng động có vai trò là trung tâm kinh tế của tiểu vùng phía Tây tỉnh Bình Phước và khu vực phụ cận.

- Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng của huyện lỵ huyện Hớn Quản và của tỉnh Bình Phước.

4. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch:

4.1. Quan điểm:

- Phát huy các lợi thế của Thị trấn Tân Khai, thúc đẩy phát triển dịch vụ hỗ trợ phát triển du lịch, đồng thời chú trọng phát triển hài hòa các ngành kinh tế khác, đặc biệt là dịch vụ hàng hóa, nông nghiệp sạch, đảm bảo phát triển bền vững kinh tế - xã hội và đô thị.

- Khai thác tối đa lợi thế về cảnh quan thiên nhiên để phát triển du lịch cũng như các dịch vụ đi kèm.

- Kết hợp hợp lý giữa cấu trúc đô thị tập trung và phân tán để đảm bảo phát triển hài hòa, cân bằng và hiệu quả.

- Phân vùng chức năng đảm bảo đô thị phát triển năng động và hiệu quả về kinh tế - xã hội – cảnh quan.

- Chú trọng cải tạo và nâng cấp các khu dân cư hiện hữu để khai thác tối đa các tiềm lực sẵn có về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở và con người; đồng thời, tạo ra các không gian phát triển kinh tế mới.

4.2. Mục tiêu:

- Phát huy tiềm năng và lợi thế của Thị trấn Tân Khai và vùng phụ cận của huyện Hớn Quản, phát triển tốt những ngành kinh tế có tiềm năng, trong mối tương quan bền vững tổng thể và hài hòa của toàn nền kinh tế, môi trường và xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, đảm bảo thị trấn Tân Khai đạt chuẩn đô thị loại V và nâng cấp trở thành đô thị loại IV giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo định hướng phát triển lâu dài và bền vững.

- Định hướng Thị trấn Tân Khai tiến tới trở thành đô thị trung tâm, động lực thúc đẩy kinh tế của huyện Hớn Quản.

- Tập trung đầu tư phát triển xây dựng Thị trấn Tân Khai trở thành đô thị văn minh, hiện đại, có chất lượng sống cao, bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở cho các công tác quản lý xây dựng và triển khai tiếp công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.

5. Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của đồ án:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng trong giai đoạn nghiên cứu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2030
1	Chỉ tiêu đất dân dụng đô thị	m ² / người	70-100	50-80
2	Loại đô thị	Loại	V	IV
3	Chỉ tiêu cấp điện	W/người	200	330
	Công nghiệp	Kw/ha	50-200	50÷200
	Công cộng –Dịch vụ	Kw/ha	80-100	100
4	Chỉ tiêu cấp nước			

	Sinh hoạt (Qsh)	Lít/người/ngđ	≥80	≥100
	- Công nghiệp	m ³ /ha/ngđ	22-45	22-45
	- Du lịch	m ³ /ha/ngđ	5-10	5-10
	- Công cộng –Dịch vụ	%Qsh	10	10
5	Chỉ tiêu thoát nước	%		100
	Sinh hoạt (Qsh)	Lít/người/ngđ	100%Qc	100%Qc
	- Công nghiệp	m ³ /ha/ngđ	80%Qc	80%Qc
	- Du lịch	m ³ /ha/ngđ	80%Qc	80%Qc
	- Công cộng –Dịch vụ	%Qsh	80%Qc	80%Qc

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
1. Trường trung học phổ thông	học sinh/1.000 người	40	m ² /1 học sinh	10
B. Y tế				
1. Bệnh viện đa khoa	giường/1.000 người	4	m ² /giường bệnh	100
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
1. Sân thể thao cơ bản			m ² /người ha/công trình	0,6 1,0
2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao			M ² /người ha/công trình	0,8 3,0
3. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/ 1.000 người	8	ha/công trình	0,5
4. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/ 1.000 người	2	ha/công trình	1,0
D. Thương mại				
1. Chợ	công trình	1	ha/công trình	1,0

- Đất cây xanh đô thị: $\geq 12\text{m}^2/\text{người}$.

- Tỷ lệ đất giao thông và giao thông tính so với diện tích đất xây dựng đô thị: $\geq 20\%$.

- Chỉ tiêu thu gom chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom 100% lượng chất thải rắn phát sinh (1,3kg/người/ngày đêm).

6. Các yêu cầu nội dung nghiên cứu lập quy hoạch

6.1. Yêu cầu chung:

- Nghiên cứu đề xuất phát triển không gian đô thị nhằm thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hớn Quản và thị trấn Tân Khai. Là cơ sở để chuẩn bị kết cấu hạ tầng cho mục tiêu kinh tế xã hội thị trấn Tân Khai phù hợp với các vùng phát triển của đô thị thị trấn Tân Khai theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

- Là cơ sở xác định dự án đầu tư để phục vụ mục đích hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của đô thị.

- Nghiên cứu để nhận diện, đề xuất gìn giữ, phát huy và khai thác hiệu quả các giá trị đặc thù của đô thị Tân Khai đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

- Xác định cấu trúc tổ chức không gian đô thị.

- Nghiên cứu mô hình đô thị theo hướng đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh.

- Xác định các dự án phát triển đô thị; hệ thống hạ tầng khung để triển khai các dự án đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng và kiểm soát sự phát triển đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch trên địa bàn thị trấn. Chú ý nhận diện rõ các vùng không gian đô thị gắn với nông nghiệp trong đô thị, nông nghiệp đặc thù.

6.2. Yêu cầu cụ thể

a) Tổ chức không gian:

- Triển khai cụ thể các định hướng về sử dụng đất và phát triển không gian đô thị tại thị trấn Tân Khai theo Đồ án quy hoạch vùng tỉnh và vùng thành phố Hồ Chí Minh, là cơ sở để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội theo từng giai đoạn.

- Xác lập cấu trúc đô thị rõ ràng để được nhận diện thông qua các khu chức năng, hệ thống hạ tầng khung, không gian công cộng và các công trình điểm nhấn. Kế thừa và xác định sự phát triển của hình thái đô thị trong quá trình phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch chung và bối cảnh mới.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất đối với: Đất dân dụng (gắn với các chỉ tiêu sử dụng trên đầu người) theo từng cấp, đất ngoài dân dụng (gắn với nhu cầu phát triển ngành, lĩnh vực), đất khác (nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước).

- Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, xác định rõ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khung cấp thị trấn. Đảm bảo tuân thủ: tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành.

- Nguyên tắc tổ chức không gian: (1) Tận dụng địa hình tự nhiên, (2) Phát huy và làm nổi bật giá trị cảnh quan tự nhiên và nhân tạo, văn hóa, lịch sử - là các vấn đề cốt lõi của bản sắc đô thị, (3) Sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, (4) Kế thừa và khớp nối các dự án đã và đang triển khai trong phạm vi liên kề về mặt không gian. Hướng đến mục tiêu làm nổi bật giá trị của đô thị trung tâm huyện lỵ.

b) Phân khu chức năng:

- Thị trấn Tân Khai là trung tâm huyện lỵ huyện Hớn Quản, do đó cần xác định cũng như xây dựng mối quan hệ tương hỗ giữa các khu chức năng đô thị trong đó có vai trò, vị trí quan trọng là Trung tâm hành chính của huyện và thị trấn.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quy hoạch sử dụng đất đảm bảo đáp ứng linh hoạt và năng động cho nhu cầu phát triển của đô thị. Đề xuất các khu vực tái phát triển đô thị theo từng phân kỳ đầu tư, định hướng các phương án sử dụng đất thay thế cho từng thời kỳ phát triển của đô thị nhằm đạt giá trị sử dụng đất cao nhất.

- Phân khu chức năng phù hợp, đặc biệt quan tâm đến việc tạo lập các không gian cảnh quan cây xanh xen kẽ các không gian thương mại – dịch vụ - tiện ích đô thị, các tuyến xương sống đô thị và đầu mối giao thông, khu vực cửa ngõ, khu giáo dục đào tạo tập trung và đô thị - dịch vụ kèm theo.

- Xác định cũng như xây dựng mối quan hệ tương hỗ giữa các khu chức năng đô thị; Đảm bảo tính hệ thống, hiệu quả, linh hoạt và bền vững cho từng khu, tuân theo cấu trúc chiến lược phát triển chung của thị trấn. Gắn việc hoàn thiện từng khu chức năng đô thị với kế hoạch đầu tư phát triển thị trấn, khu vực phát triển đô thị và mô hình quản lý từng khu vực phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Xác định cấu trúc, quy mô, đặc thù không gian đô thị của từng khu chức năng. Đưa ra công cụ quản lý, đánh giá chức năng công trình để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất chính bao gồm quy mô, diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao xây dựng, tỷ lệ cây xanh, diện tích sàn, cho các ô đất xây dựng theo các khu chức năng. Kịp thời dự báo và định hướng giãn dân phù hợp để đảm bảo năng lực phục vụ của hệ thống.

- Gắn việc quản lý, phát triển các khu chức năng với tài chính đô thị; là công cụ và động lực chính trang, cải tạo và tái thiết đô thị đúng với định hướng lâu dài trong phát triển đô thị của thị trấn.

c) Kiến trúc, thiết kế đô thị:

- Tạo dựng hình ảnh đô thị: Văn minh, hiện đại và mang đậm bản sắc văn hóa vùng Đông Nam Bộ.

- Đề xuất được khung thiết kế đô thị tổng thể.

- Nghiên cứu và đề xuất kiểm soát không gian đô thị thông qua thiết kế đô thị các khu vực, trục không gian chủ đạo cần kiểm soát, các cảnh quan đô thị khu vực quan.

- Xác định được các khu vực hình thành công trình điểm nhấn theo các hướng, tầm nhìn chính.

- Quy định nguyên tắc và các chỉ tiêu cụ thể cho không gian mở và công trình điểm nhấn (hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc, kiến trúc nhỏ, hệ thống cây xanh, mặt nước, quảng trường; các nút giao thông cấp đô thị; cầu trong đô thị; không gian sinh hoạt cộng đồng (công viên, vườn hoa, phố đi bộ) theo cấp đô thị cho đến cấp khu ở, nhóm ở.

- Xác định nguyên tắc và phương pháp kết nối không gian của khu vực quy hoạch với các không gian lân cận ngoài khu vực quy hoạch; Quy định được các ngưỡng không chế tối đa, tối thiểu (hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, chiều cao, hệ số thấm) cho từng ô phố, khu vực chức năng để làm cơ sở quản lý điều hành xuyên suốt, hiệu quả.

6.3 Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại trên cơ sở nâng cấp, kết nối thuận lợi với hệ thống hiện có của đô thị. Phân đợt xây dựng hợp lý, nhằm đáp ứng những nhu cầu phát triển trước mắt, cũng như đảm bảo phát triển trong tương lai, đảm bảo tính kinh tế theo từng giai đoạn của đồ án. Cụ thể như sau:

a) Giao thông đô thị:

- Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành, nghiên cứu đến cấp đường phân khu vực và đường chính đô thị.

- Thiết kế hệ thống giao thông đô thị nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển ngành giao thông vận tải (tuyến, bến bãi đỗ xe, loại hình vận tải) tại địa phương vào không gian đô thị.

- Nghiên cứu, đề xuất chiến lược giao thông công cộng đô thị gắn với phát triển dân cư và từng khu vực phát triển đô thị.

- Đề xuất bổ sung hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ (giao thông động và giao thông tĩnh), tỷ lệ đất giao thông đô thị, mật độ mạng lưới đường, hình thức và quỹ đất dành cho các nút giao thông theo nhu cầu và lộ trình phát triển đô thị, nhu cầu giao thông vận tải, phát triển du lịch... gắn với cơ chế và chính sách tạo quỹ đất, đầu tư phát triển đô thị.

- Dự báo nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa và cơ cấu phương tiện giao thông.

- Xác định danh mục, khái toán kinh phí, lộ trình, nguồn vốn và cơ chế thực hiện các dự án thuộc hệ thống hạ tầng khung theo đồ án quy hoạch.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Tính toán quy hoạch hệ thống thoát nước, chống ngập úng trên địa bàn thị trấn.

- Thiết kế quy hoạch san lấp nền và hệ thống thoát nước mưa phù hợp với quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt thị trấn;

- Lấy cân bằng đào đắp là nguyên tắc bắt buộc tuân thủ trong đề xuất đối với từng khu vực phát triển đô thị, chỉ tiêu sử dụng đất từng dự án. Kết hợp mục tiêu cảnh quan, quản lý ngập đô thị và bổ sung nước ngầm.

- Xác định giải pháp thoát nước mặt trên toàn lưu vực thoát nước cũng như từng phân khu vực cụ thể nhằm đảm bảo tận dụng tối đa lợi thế địa hình để thu và thoát nước mặt về các hướng suối chính. Xác định cao độ, vị trí từng tuyến thoát nước đảm bảo kết nối giữa hệ thống thoát nước hiện hữu, cải tạo nâng cấp và đầu tư mới đảm bảo không ngập cục bộ, thoát nước mặt tốt.

- Xác định cao độ xây dựng không chế theo chức năng công trình tại từng khu vực đô thị. Đảm bảo công trình không ngập theo quy định và tối ưu hóa chi phí san lấp nền.

- Xác định cụ thể vị trí, khoảng cách, hướng tuyến, màu sắc đối với tuyến cống thoát nước mưa theo quy định trong hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

- Đề xuất danh mục, khái toán kinh phí, lộ trình, nguồn vốn và cơ chế thực hiện các dự án ưu tiên.

c) Cấp điện, chiếu sáng:

- Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành.

- Xây dựng chiến lược cấp điện, chiếu sáng đáp ứng yêu cầu về giảm phát thải, tăng trưởng xanh và bền vững. Đưa ra các giải pháp và cơ chế thực hiện phù hợp điều kiện của thị trấn Tân Khai.

- Tính toán nhu cầu sử dụng điện năng của toàn đô thị, từng khu vực phát triển đô thị theo phân khu chức năng và từng nhóm đối tượng tiêu thụ điện năng của đô thị. Chỉ tiêu cấp điện áp dụng theo từng loại hình sử dụng điện.

- Đề xuất danh mục, khái toán kinh phí, lộ trình, nguồn vốn và cơ chế thực hiện các dự án ưu tiên.

d) Cấp nước:

- Quy hoạch hệ thống cấp nước đô thị hiện đại, an toàn và tiết kiệm.

- Dự báo nhu cầu dùng nước của đô thị gắn với các khu chức năng, đối tượng và lộ trình cấp nước. Đưa ra mô hình cấp nước và sử dụng nước thông minh, theo đúng mục đích dùng nước (nước uống, nước sinh hoạt, nước tưới cây và đường).

- Xác định các giải pháp cấp nước bao gồm xác định nguồn cấp nước, nhà máy cấp nước, vị trí quy mô công trình đầu mối cấp nước.

- Xác định mạng lưới cấp nước sạch bao gồm cả phần cải tạo nâng cấp và đầu tư mới đảm bảo cấp nước sạch đến cho người dân trên toàn địa bàn thị trấn theo chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội..

- Xác định khối lượng đầu tư, lộ trình ưu tiên thực hiện các dự án liên quan đến cấp nước bảo vệ nguồn nước thô và khái toán kinh phí.

e) Thoát nước thải:

- Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải. Đảm bảo thu gom hết các loại nước thải của đô thị (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nước thải khác).

- Lựa chọn hệ thống thoát nước thải: trên cơ sở hiện trạng hệ thống thoát nước thải thị trấn Tân Khai hiện hữu đề xuất phương án quy hoạch và giải pháp thoát nước thải.

- Xây dựng quy định về quy hoạch tiêu thoát nước, quy định xả nước thải, quy định thu gom nước thải, quy định xử lý nước thải phù hợp với bố trí mạng lưới, hệ thống thoát và xử lý nước thải.

- Đề xuất hoàn chỉnh mô hình thu gom và xử lý nước thải cho đô thị thị trấn Tân Khai.

- Xác định khối lượng đầu tư, lộ trình ưu tiên và trách nhiệm thực hiện các dự án liên quan đến thoát nước, xử lý nước thải và khái toán kinh phí.

f) Thông tin liên lạc:

- Tính toán nhu cầu về thông tin liên lạc của nhóm công trình, từng khu chức năng cũng như cho toàn đô thị. Quy hoạch đảm bảo đáp ứng đủ theo Quy hoạch ngành với số dân dự kiến. Đảm bảo phục vụ đủ nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trong khu vực.

- Cập nhật và xác định vị trí các trạm BTS phù hợp với bán kính phục vụ theo quy định. Đưa vào hệ thống quản lý đô thị và quản lý ngành.

g) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, nhà tang lễ:

- Xác định mô hình thu gom rác cho đô thị (trong đó có khu vực đô thị mới, khu vực bảo tồn, khu vực cải tạo, chỉnh trang và tái thiết đô thị) để tối ưu hiệu quả về: an toàn vệ sinh môi trường, an ninh, kinh tế, mỹ quan, bền vững. Gắn chuỗi trạm trung chuyển, mô hình thu gom, phân loại và xử lý rác thành chương trình cải thiện nhận thức của cư dân đô thị về chất thải rắn.

- Xác định số lượng và quy mô, bố trí các nhà tang lễ phục vụ các nhu cầu về tang lễ trên địa bàn thị trấn Tân Khai. Đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành cùng các vấn đề về văn hóa, xã hội khác.

- Đề xuất danh mục, khái toán kinh phí, lộ trình, nguồn vốn và cơ chế thực hiện các dự án ưu tiên.

h) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược:

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp kỹ thuật và giải pháp mềm giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn, đặc biệt là vấn đề phục hồi khối lượng và chất lượng nguồn nước mặt tự nhiên khi triển khai thực hiện Quy hoạch đô thị.

- Xây dựng kế hoạch về bảo vệ đa dạng sinh học, tăng trưởng xanh, giảm phát thải, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

- Xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch.

- Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch chung.

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường đặc biệt đối với khu vực có sản xuất công nghiệp.

6.6. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 35, Luật Quy hoạch đô thị.

7. Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch

7.1. Phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng.

- Các bản đồ hiện trạng, tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ đánh giá tổng hợp đất xây dựng, tỷ lệ 1/5.000.

- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị.

- Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị, tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản vẽ thiết kế đô thị.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược.

7.2. Phần văn bản:

- Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch kèm các văn bản pháp lý có liên quan, các bản đồ, sơ đồ có liên quan (thể thiện khổ giấy A3 in màu).

- Dự thảo quy định quản lý theo quy hoạch.

- Dự thảo Trình và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.
- USB sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ quy hoạch.

7.3. Nguyên tắc thể hiện:

- Bản đồ hệ thống các công trình kỹ thuật cần có sơ đồ liên hệ với các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật nằm ngoài phạm vi khu đất lập quy hoạch;
- Trong bản đồ cần ghi đầy đủ, rõ ràng các số liệu kinh tế kỹ thuật cần thiết phù hợp với loại đồ án quy hoạch;
- Quy cách thể hiện hồ sơ (như màu sắc, đường nét, ký hiệu v.v. . .) thực hiện theo đúng Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

8. Dự toán chi phí:

8.1. Bảng dự toán chi phí:

STT	Nội dung công việc	Kí hiệu	Thành tiền
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch	Gqh	2.398.616.110
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	Gnv	25.705.004
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	TNV	4.673.637
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	TĐ	117.830.954
5	Chi phí quản lý lập quy hoạch	QL	109.371.195
6	Chi phí lấy ý kiến	LYK	43.611.202
7	Chi phí công bố đồ án quy hoạch	CB	65.416.803
	Tổng cộng	TDT	2.765.224.905

Bảng chữ: Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm lẻ năm đồng.

(Có bảng dự toán chi tiết kèm theo)

8.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Hớn Quản
2. Cơ quan thẩm định và trình phê duyệt: Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
3. Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

UBND huyện Hớn Quản là cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.



Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Ban Quản lý Khu kinh tế; Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT. (Trí-XD02)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh